

Bản án số: 80/2022/HS-ST  
Ngày 20-5-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Ái;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Minh Khiết và bà Nguyễn Thị Tuyết Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Chiêm Tiền Quý Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Đức Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2022/HSST ngày 22 tháng 02 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh Th1, sinh năm 1992, tại tỉnh B. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố L, phường S, thị xã H, tỉnh B; nơi ở: Không ổn định; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T (chết) và bà Võ Thị Th; có vợ (chưa đăng ký kết hôn) và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ ngày 04-11-2021 (trong trường hợp khẩn cấp), tạm giam ngày 10-11-2021 “có mặt”.

**\*Các bị hại:**

1. Chị Đoàn Thị Phương Th2, sinh năm 2001. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã P, huyện N, tỉnh N “xin vắng mặt”;

2. Anh Nguyễn Văn Th3, sinh năm 2002. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã E, huyện Đ, tỉnh L “xin vắng mặt”.

3. Chị Lê Thị Mỹ L2, sinh năm 2001. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh N “xin vắng mặt”;

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Lê Thị B1, sinh năm 1989. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh H; nơi ở: Nhà số T, đường Q, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh “xin vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Nguyễn Thanh Th1 có thuê phòng trọ của chị Lê Thị B1 tại số T, đường Q, phường H, quận B để ở nên biết được xe của người ở trọ để tập trung bãi xe dưới hầm nhưng tự quản và không có ai trông coi. Đến lúc không có tiền tiêu xài nên Th1 nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán. Khi đó, Th1 đã 03 lần thực hiện lấy xe của người khác, cụ thể như sau:

*Lần thứ nhất:* Vào khoảng giữa tháng 7/2021 (không nhớ ngày, giờ), Th1 đã xuống bãi xe dưới hầm nhà trọ lấy 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen-bạc, biển số 92H8-0612 của chị Đoàn Thị Phương Th2 dẫn lên ra khỏi cổng rồi tháo dây điện nổ máy chạy đến tiệm cầm đồ trên địa bàn xã A, huyện C nói xe của Th1 bị mất giấy tờ, cầm được 1.500.000 đồng và đã tiêu xài hết;

*Lần thứ hai:* Khoảng 10 ngày sau, Th1 tiếp tục lấy xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ-đen biển số 47S1-028.34 của anh Nguyễn Văn Th3 dẫn lên ra khỏi cổng rồi tháo dây điện nổ máy chạy đến tiệm cầm đồ khác cũng trên địa bàn xã A, huyện C nói xe của Th1 bị mất giấy tờ, cầm được 1.500.000 đồng và đã tiêu xài hết;

*Lần thứ ba:* Lúc 13 giờ 26 phút ngày 04/8/2021, Th1 tiếp tục lấy chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ-đen, biển số 92H8-1919 của chị Lê Thị Mỹ L2, nhưng lần này vừa dẫn xe lên ra khỏi cổng thì dùng chìa khóa xe khác mở được khóa xe đề máy chạy đến gặp anh Huỳnh Quốc T2 nói xe của Th1 bị mất giấy tờ rồi cầm được 2.500.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Đến ngày 20/10/2021, chị Lê Thị B1 phát hiện bãi xe bị mất 03 xe mô tô nên đã mở camera lên xem thì phát hiện chính Th1 là người chiếm đoạt nhưng không biết Th1 đang ở đâu. Đến ngày 03/11/2021, chị B1 phát hiện Th1 có mặt tại khu vực hẻm số 638, đường Quốc Lộ 1A, phường B, quận B nên đã trình báo cho Công an phường đưa Th1 về trụ sở làm việc rồi sau đó chuyển cho Cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền. Tại đây, Th1 đã khai nhận toàn bộ hành vi như vừa đã nêu trên. Riêng 03 chiếc xe mà Th1 đã cầm, tuy có chỉ điểm nơi nhận cầm xe lần thứ nhất và thứ hai nhưng đều do không có biên nhận và không ai thừa nhận cầm của Th1; còn đối với anh Tuấn, tuy có nhận cầm xe của Th1 nhưng không biết xe do phạm tội mà có và quá hạn chuộc lại xe, anh đã bán cho người khác (không rõ lai lịch) nên tất cả không thu hồi được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thanh Th1 khai nhận, do biết được bãi xe dưới hầm nhà trọ của chị Lê Thị B1 tự quản và không có ai trông coi nên bị cáo đã 03 lần thực hiện chiếm đoạt xe của người khác để bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể như sau: *Lần nhất nhất*, bị cáo lấy chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen-bạc, biển số 92H8-0612 của chị Đoàn Thị Phương Th2 dẫn lên ra khỏi cổng rồi tháo dây điện nổ máy chạy đến tiệm cầm đồ ở xã A, huyện C nói xe của bị cáo bị mất giấy tờ, cầm được 1.500.000 đồng và đã tiêu xài hết. *Lần thứ hai*, bị cáo tiếp tục lấy chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ-đen biển số 47S1-028.34 của anh Nguyễn Văn Th3 dẫn lên ra khỏi cổng rồi tháo dây điện nổ máy chạy đến tiệm cầm đồ khác cũng ở xã A, huyện C nói xe của bị cáo bị mất giấy tờ, cầm được 1.500.000 đồng và đã tiêu xài hết. *Lần thứ ba:* bị cáo tiếp tục lấy chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ-đen, biển số 92H8-1919 của chị Lê Thị Mỹ L2 nhưng lần này mở được khóa xe chạy đến gặp anh Huỳnh Quốc T2 nói xe của bị cáo bị mất giấy tờ rồi cầm được 2.500.000 đồng và đã tiêu xài hết. Tuy bị cáo bỏ đi chỗ khác ở trọ nhưng sau đó bị chị B1 báo cho công an đến bắt giữ nên nay bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thống nhất chiếc xe của chị Thảo có giá trị là 8.000.000 đồng, chiếc xe của anh Thiên 10.000.000 đồng và

chiếc xe của chị Linh 11.000.000 đồng nên đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của các bị hại.

Bản cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh Th1 ra trước Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về “Tội trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận có ý kiến: Bị cáo Nguyễn Thanh Th1 đã 03 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác gồm: chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen-bạc, biển số 92H8-0612 của chị Đoàn Thị Phương Th2, trị giá 8.000.000 đồng; chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ-đen biển số 47S1-028.34 của anh Nguyễn Văn Th3, trị giá 10.000.000 đồng và chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ-đen, biển số 92H8-1919 của chị Lê Thị Mỹ L2, trị giá 11.000.000 đồng (tổng cộng 29.000.000 đồng). Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên” nên cần phải xử bị cáo với mức án thật nghiêm và tương xứng. Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nghĩ nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu. Do đó, giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo với mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Còn về trách nhiệm dân sự, đề nghị buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho chị Thảo số tiền 8.000.000 đồng, anh Thiên 10.000.000 đồng và chị Linh 11.000.000 đồng; riêng về vật chứng, do không thu hồi được nên không có ý kiến.

Bị cáo không tranh luận và bào chữa gì về hành vi đã bị truy tố, còn lời nói sau cùng thì xin giảm nhẹ mức hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra-Công an quận Bình Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo Nguyễn Thanh Th1 tại phiên tòa hôm nay cho thấy, bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác tại bãi xe dưới hầm nhà trọ số 910/26/5, đường Tân Kỳ Tân Quý, Khu phố 14, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân và cụ thể như sau: *Lần nhất nhất*, khoảng giữa tháng 7/2021, bị cáo lấy chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen-bạc, biển số

92H8-0612 của chị Đoàn Thị Phương Th2; *lần thứ hai*, khoảng 10 ngày sau, bị cáo lấy tiếp chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ-đen biển số 47S1-028.34 của anh Nguyễn Văn Th3; *lần thứ ba*: lúc 13 giờ 26 phút ngày 04/8/2021, bị cáo lấy tiếp chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ-đen, biển số 92H8-1919 của chị Lê Thị Mỹ L2. Theo bản Kết luận định giá tài sản số 702/KL-HĐĐGTS ngày 09/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Bình Tân thì: chiếc xe của chị Thảo có giá trị là 8.000.000 đồng, chiếc xe của anh Thiên 10.000.000 đồng và chiếc xe của chị Linh 11.000.000 đồng (tổng cộng 29.000.000 đồng). Do đó, bị cáo Nguyễn Thanh Th1 đã phạm “Tội trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai trước đây tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại; người có quyền, nghĩa vụ liên quan; hình ảnh trích xuất từ camera nhà trọ; biên bản, bản ảnh thực nghiệm điều tra; kết luận định giá tài sản...nên đã đủ chứng cứ buộc tội bị cáo và lời đề nghị của Kiểm sát viên vừa nêu trên là có cơ sở chấp nhận. Riêng đối với các nơi mà bị cáo chỉ điểm nhận cầm xe ở xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, do không có biên nhận và không ai thừa nhận cầm xe của bị cáo; còn đối với anh Tuấn, tuy có nhận cầm xe của bị cáo nhưng không biết xe do bị cáo phạm tội mà có, quá hạn chuộc lại xe, anh Tuấn đã bán xe này cho người khác (không rõ lai lịch) nên tất cả không bị xử lý là phù hợp.

[4] Xét bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người khác, thực hiện hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản là trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai và vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích có tiền để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân. Đồng thời, bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi này với mỗi lần tài sản đều có giá trị trên 2.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, cần phải xử bị cáo với mức án thật nghiêm và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra thì mới có đủ sức giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần được xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”; do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo làm nghề tự do và không có điều kiện kinh tế nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét tại phiên tòa hôm nay, tuy các bị hại là chị Đoàn Thị Phương Th2, anh Nguyễn Văn Th3 và chị Lê Thị Mỹ L2 cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị B1 đều có đơn xin vắng mặt,

nhưng theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và nội dung đơn thì: Đối với chị Thảo, yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại 8.000.000 đồng, anh Thiên 10.000.000 đồng, chị Linh 11.000.000 đồng và được bị cáo đồng ý là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Riêng chủ nhà trọ là chị B1, do có thu tiền xe của người thuê phòng trọ mỗi tháng 100.000 đồng nên nghĩ nếu như xe bị mất, chị phải bồi thường; theo đó, chị đã bồi thường trước cho chị Thảo 4.000.000 đồng, anh Thiên 4.000.000 đồng và chị Linh 6.000.000 đồng. Nay nhận biết việc thu tiền xe của người thuê phòng trọ chỉ là tiền bãi đậu xe, chứ không phải tiền nhận giữ xe bởi do, xe của người thuê trọ tự quản, chị không có trách nhiệm trông coi và đồng thời trong hợp đồng thuê phòng trọ đã ký cũng không có khoản giao kết này. Do đó, số tiền trên chỉ là tiền chị tự nguyện hỗ trợ cho các bị hại và không yêu cầu hoàn trả lại, kể cả bị cáo nên không xét.

[7] Về vật chứng: Chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen-bạc, biển số 92H8-0612 của chị Đoàn Thị Phương Th2; chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ-đen biển số 47S1-028.34 của anh Nguyễn Văn Th3; chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ-đen, biển số 92H8-1919 của chị Lê Thị Mỹ L2, do tất cả đều không thu hồi được nên không xét.

[8] Bị cáo Nguyễn Thanh Th1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh Th1 phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

- Về điều luật áp dụng và phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; phạt bị cáo Nguyễn Thanh Th1 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04-11-2021.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều 585, 586, 589, 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Thanh Th1 bồi thường thiệt hại cho chị Đoàn Thị Phương Th2 số tiền 8.0000.000 (tám triệu) đồng, anh Nguyễn Văn Th3 số tiền 10.0000.000 (mười triệu) đồng và chị Lê Thị Mỹ L2 số tiền 11.0000.000 (mười một triệu) đồng, tất cả bằng 01 lần và ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Đoàn Thị Phương Th2, anh Nguyễn Văn Th3, chị Lê Thị Mỹ L2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Thanh Th1 chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm cho chị Thảo, anh Thiên, chị Linh tiền lãi theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được quy định tại các điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Thanh Th1 phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.450.000 (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thanh Th1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại chị Đoàn Thị Phương Th2, anh Nguyễn Văn Th3 và chị Lê Thị Mỹ L2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị B1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành dân sự cho bị cáo)

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND QBT;
- CA QBT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ –Văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Văn Ái**